

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2024

Căn cứ Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 15/09/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi là Đề án); Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai kịp thời, hiệu quả các nội dung trong năm 2024 của Đề án phù hợp với điều kiện, nguồn lực ngân sách dành cho giáo dục được bố trí tại Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Yêu cầu

- Chuẩn hóa về trình độ đào tạo của đội ngũ theo quy định; đáp ứng về số lượng và cơ cấu môn học; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Phù hợp với thực trạng đội ngũ, yêu cầu đặt ra theo quy định, điều kiện kinh tế, xã hội của các cơ sở giáo dục và của địa phương.

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

- Có sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, đơn vị liên quan để quá trình triển khai thực hiện kế hoạch diễn ra đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Giáo viên đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập (gọi chung

là cơ sở giáo dục mầm non); giáo viên đang giảng dạy tại trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên (gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); giáo viên đang giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng, giáo viên đang giảng dạy chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp bằng của hệ thống giáo dục quốc dân tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận/huyện (gọi chung là trung tâm giáo dục thường xuyên). Sau đây, giáo viên đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên đang giảng dạy tại cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên được gọi chung là giáo viên (GV).

2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; Giám đốc, Phó Giám đốc các trung tâm giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là cán bộ quản lý - CBQL).

III. NỘI DUNG

1. Đào tạo nâng chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục năm 2019

a) Đối tượng đào tạo:

- CQBL, GV mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- GV tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo GV tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với GV có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với GV có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- GV trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo GV hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

b) Số lượng đào tạo dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 gửi kèm):

- GV mầm non:

+ Đào tạo từ trung cấp lên đại học (TC-ĐH): dự kiến 42 người (đối với CBQL, GV các cơ sở giáo dục mầm non công lập);

+ Từ trung cấp lên cao đẳng (TC-CĐ): dự kiến 382 người.

- GV tiểu học: từ cao đẳng lên đại học (CĐ-ĐH): dự kiến 71 người.

- GV trung học cơ sở: từ cao đẳng lên đại học (CĐ-ĐH): dự kiến 55 người.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2024.

2. Công tác bồi dưỡng

2.1. Bồi dưỡng giáo viên các chuyên đề theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông

- a) Đối tượng bồi dưỡng: GV các cơ sở giáo dục phổ thông.
- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 4 gửi kèm): 249 GV.
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2024.

2.2. Bồi dưỡng GV cấp trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý

a) Đối tượng bồi dưỡng: Theo Quyết định số 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng GV THCS dạy môn Lịch sử và Địa lý:

- GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành sư phạm Lịch sử hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong có 1 môn là Lịch sử.

- GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành sư phạm Địa lí hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong có 1 môn là Địa lí.

- GV đang giảng dạy môn Lịch sử, Địa lí đã tốt nghiệp ở các trường đại học khác mà không có bằng Cử nhân Sư phạm.

- GV được đào tạo chuyên môn khác có nhu cầu dạy Lịch sử, Địa lý hoặc sẽ được phân công dạy Lịch sử, Địa lí.

- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 5 gửi kèm): 163 GV.
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2024.

2.3. Bồi dưỡng GV cấp trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên

a) Đối tượng bồi dưỡng: Theo Quyết định số 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng GV THCS dạy môn KHTN:

- *Đối tượng A:* GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng đơn ngành sư phạm hoặc cử nhân Vật lý, Hóa học, Sinh học hoặc các ngành sư phạm hoặc cử nhân song môn trong đó có 1 môn là Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học (Toán học - Vật lý, Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp, Toán học - Hóa học, Sinh học - Thể dục thể thao...).

- *Đối tượng B:* GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành sư phạm hoặc cử nhân: Vật lý - Hóa học, Hóa học - Sinh học, Sinh học - Hóa học.

- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 6 gửi kèm): 161 GV
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2024.

2.4. Bồi dưỡng khác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học

(Theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo).

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí năm 2024 của ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kinh phí của các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sử dụng GV và CBQL cơ sở giáo dục.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định và từ các nguồn hợp pháp khác tại các cơ quan, đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch, cụ thể:

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung về kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Đề án của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc triển khai đào tạo, bồi dưỡng GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo nhu cầu thực tế của địa phương và của ngành.

- Chủ trì phối hợp với các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các lớp đào tạo nâng chuẩn trình độ và các lớp bồi dưỡng GV theo Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị liên quan tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2024 phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố thành phố phê duyệt; tổng hợp quyết toán theo qui định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo và cung cấp thông tin, tuyên truyền về Đề án của thành phố.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện Đề án.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, rà soát, chọn cử, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV theo phân cấp quản lý đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc, quản lý, giám sát, tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL, GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện đầy đủ các nội dung chương trình theo quy định.

5. Các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và kế hoạch của thành phố, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV đảm bảo đúng quy định và đạt hiệu quả.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- CT, PCT Lê Khắc Nam;
- Như mục V;
- CPVP;
- Phòng NCKTGS;
- Lưu: VT, GD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Khắc Nam

PHỤ LỤC 1
SỐ LƯỢNG CBQL, GV MẦM NON
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo TC- ĐH (công lập)	Trình độ đào tạo TC - CĐ (ngoài công lập)	Ghi chú
1	An Dương	1		
2	An Lão			
3	Cát Hải			
4	Dương Kinh	1	4	
5	Đồ Sơn			
6	Hải An		57	
7	Hồng Bàng	1	23	
8	Kiến An	2	26	
9	Kiến Thụy	14	31	
10	Lê Chân	12	128	
11	Ngô Quyền		76	
12	Thủy Nguyên	6	36	
13	Tiên Lãng	2	1	
14	Vĩnh Bảo	3		
Tổng số:		42	382	

PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG CBQL, GV TIỂU HỌC
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo CĐ- ĐH	Ghi chú
1	An Dương		
2	An Lão	11	
3	Cát Hải	2	
4	Dương Kinh	7	
5	Đồ Sơn	1	
6	Hải An		
7	Hồng Bàng	6	
8	Kiến An	9	
9	Kiến Thụy	10	
10	Lê Chân	6	
11	Ngô Quyền	3	
12	Thủy Nguyên		
13	Tiên Lãng	12	
14	Vĩnh Bảo	4	
Tổng số:		71	

PHỤ LỤC 3
SỐ LƯỢNG CBQL, GV TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo CD - ĐH	Ghi chú
1	An Dương	1	
2	An Lão	9	
3	Cát Hải	7	
4	Dương Kinh	1	
5	Đồ Sơn		
6	Hải An		
7	Hồng Bàng	4	
8	Kiến An	3	
9	Kiến Thụy	5	
10	Lê Chân	1	
11	Ngô Quyền		
12	Thủy Nguyên	9	
13	Tiên Lãng	7	
14	Vĩnh Bảo	8	
Tổng số:		55	

PHỤ LỤC 4
SỐ LƯỢNG GV PHỔ THÔNG
ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG CÔNG TÁC TƯ VẤN CHO HỌC SINH NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	An Dương	1	
2	An Lão	9	
3	Cát Hải	4	
4	Dương Kinh	9	
5	Đồ Sơn	5	
6	Hải An	15	
7	Hồng Bàng	9	
8	Kiến An	15	
9	Kiến Thụy	35	
10	Lê Chân	13	
11	Ngô Quyền		
12	Thủy Nguyên	50	
13	Tiên Lãng	25	
14	Vĩnh Bảo	17	
15	Các trường THPT	42	
Tổng số:		249	

PHỤ LỤC 5
SỐ LƯỢNG GV TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG GV DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Số lượng	Ghi chú
1	An Dương	2	
2	An Lão	18	
3	Cát Hải	2	
4	Dương Kinh	22	
5	Đồ Sơn	5	
6	Hải An	10	
7	Hồng Bàng	12	
8	Kiến An	15	
9	Kiến Thụy	10	
10	Lê Chân	2	
11	Ngô Quyền	21	
12	Thủy Nguyên	28	
13	Tiên Lãng	7	
14	Vĩnh Bảo	9	
Tổng số:		163	

PHỤ LỤC 6
SỐ LƯỢNG GV TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG GV DẠY MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Số lượng	Ghi chú
1	An Dương	0	
2	An Lão	13	
3	Cát Hải	2	
4	Dương Kinh	19	
5	Đồ Sơn	5	
6	Hải An	9	
7	Hồng Bàng	9	
8	Kiến An	12	
9	Kiến Thụy	16	
10	Lê Chân	1	
11	Ngô Quyền	28	
12	Thủy Nguyên	27	
13	Tiên Lãng	8	
14	Vĩnh Bảo	12	
Tổng số:		161	